

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 2**

Số: 12/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phường 2, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán quý 1 năm 2025
của Phường 2**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Nghị định 63/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn Thành phố;
Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND, ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Phường 2 về việc dự toán thu, chi NSNN trên địa bàn; thu, chi ngân sách phường năm 2025;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán phường 2, ngày 14/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025 của Phường 2 (đính kèm biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân, Công chức Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- UBND TPTN;
- Phòng TCKH TP;
- Đảng ủy P2;
- TT HĐND P2;
- UB MTTQ VN và các TC CT-XH P2;
- Các Trường KP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lâm Hoàng Trọng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 2**

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 1 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND phường 2)

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN quý 1 năm 2025

1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết có biểu mẫu kèm theo).

Thu ngân sách trong quý 1 năm 2025 được 1.675.701 ngàn đồng, đạt 18,82% so dự toán (DT) thành phố giao.

Có 3/6 khoản thu, sắc thuế có tỷ lệ đạt trên 25% so dự toán năm gồm: Phí, lệ phí 44.13%; Thu khác ngân sách 522,42%; thuế tiêu thụ đặc biệt 51.09%;

Còn lại 3/6 khoản thu, sắc thuế có tỷ lệ đạt dưới 25% so dự toán là: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 1,15%; Thuế TNCN 21,29%; Thuế Giá trị gia tăng 21,26%.

2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách

Chi ngân sách quý 1 năm 2025 được 1.865.817 ngàn đồng đạt 19,46% so với DT được giao.

+ Quốc phòng - an ninh: 455.448 ngàn đồng, đạt 23,3% so dự toán.

+ Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 1.289.799 ngàn đồng, đạt 20,11% so dự toán.

+ Chi sự nghiệp VH TT: 34.060 ngàn đồng, đạt tỉ lệ 17,42% so với dự toán.

+ Chi sự nghiệp môi trường: 0 ngàn đồng, đạt tỉ lệ 0% so với dự toán.

+ Chi sự nghiệp TĐ TT: 1.760 ngàn đồng, đạt tỉ lệ 13,54% so với dự toán.

+ Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 84.750 ngàn đồng, đạt tỉ lệ 130,69% so với dự toán.

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 0 ngàn đồng, đạt tỉ lệ 0% so với dự toán.

+ Chi khác: 0 đồng, đạt tỉ lệ 0% so với dự toán.

II. Đánh giá chung việc quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách

1. Mặt được và nguyên nhân

+ Thu: 3/6 sắc thuế thu đạt kế hoạch đầu năm. Nguyên nhân là do tập trung chỉ đạo, điều hành thu, sự nỗ lực tích cực của Đội thuế, và các ủy nhiệm thu trong công tác thu ngân sách nhà nước tại địa phương, phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên hội đồng tư vấn thuế.

+ Chi: Trong điều hành chi ngân sách, quản lý chi chặt chẽ đảm bảo cho các khoản chi thường xuyên và các nhiệm vụ phát sinh trong năm, tiết kiệm, chi đúng chế độ quy định; bảo đảm công khai minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Mặt chưa được và nguyên nhân

Thu: Tổng thu ngân sách chưa đạt theo kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do hiện tại cơ quan thuế đang trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại nên quá trình tổ

chức thu bị gián đoạn một thời gian. Bên cạnh đó UBND Phường đang tập trung công tác tuyên truyền, vận động người dân cài đặt và nộp thuế qua ứng dụng Thuế điện tử trên thiết bị di động (eTax Mobile) kết hợp hướng dẫn nộp tiền trực tiếp qua ngân hàng. Tuy nhiên số thu còn hạn chế do người dân chưa quen với hình thức nộp thuế mới này.

IV. Phương hướng thực hiện trong quý 2 năm 2025

Phần đầu thu ngân sách đạt 50% so với dự toán. Cân đối chi ngân sách, không để xảy ra bội chi.

- Tiếp tục phối hợp với cơ quan thuế rà soát lại các doanh nghiệp, hộ kinh doanh còn nợ thuế để đảm bảo không bỏ sót nguồn thu (trong đó trước mắt tập trung vào những hộ có số nợ thuế lớn). Trong quá trình rà soát cũng sẽ kết hợp xác minh để xóa những khoản nợ thuế ảo như doanh nghiệp, hộ kinh doanh không còn hoạt động, không còn ở địa phương. Sau khi rà soát tiếp tục gửi thư mời các hộ kinh doanh có nợ thuế lớn về Phường làm việc. Bên cạnh đó cũng sẽ xếp lịch để đoàn thu hồi nợ thuế xuống làm việc trực tiếp tại hộ kinh doanh.

- Thành lập tổ tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt và nộp thuế qua ứng dụng Thuế điện tử (eTax Mobile). Thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân cài đặt eTax Mobile qua cổng thông tin điện tử Phường 2, tờ rơi và trực tiếp tại trụ sở UBND Phường 2 (tổ hỗ trợ).

- Tiếp tục tuyên truyền nội dung các văn bản, chính sách thuế mới sâu rộng trong người dân. Triển khai kế hoạch rà soát, điều chỉnh thông tin dữ liệu thuế chưa chính xác.

- Tiếp tục phối hợp đội thuế rà soát dữ liệu để cập nhật bộ thuế phi nông nghiệp đầy đủ và chính xác hơn.

- Tiếp tục quản lý chi chặt chẽ đảm bảo cân đối nguồn chi; tiết kiệm, chi đúng chế độ quy định; bảo đảm công khai minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước./.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định 12/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của Ủy ban nhân dân Phường 2)



Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SỐ SÁNH %
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	9.239.810	6.008.385	65,03
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	312.000	187.652	60,14
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.729.368	1.255.316	18,65
3	Thu bổ sung	769.866	678.166	88,09
	- Thu BSCĐ	0	0	
	- Thu BSCMT	769.866	678.166	88,09
	- Thu BS chênh lệch lương	0	0	
4	Thu chuyển nguồn	1.428.576	3.887.252	272,11
5	Thu kết dư		0	
6	Thu tạo nguồn CCTL	345.155	0	0,00
II	TỔNG SỐ CHI	9.585.965	1.865.817	19,46
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	9.446.899	1.865.817	19,75
3	Dự phòng	139.066	0	



UỘC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025
 (Kèm theo Quyết định 2/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của Ủy ban nhân dân Phường 2)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu	8.906.000	9.584.965	1.675.701	6.008.385	18,82%	62,69%
I	Các khoản thu 100%	312.000	312.000	207.595	187.652	66,54%	60,14%
1	Phí, lệ phí	300.000	300.000	132.404	132.404	44,13%	44,13%
	- Phí, lệ phí	50.000	50.000	12.304	12.304	24,61%	24,61%
	+ Phí chứng thực			7.716	7.716		
	+ Lệ phí quốc tịch			4.588	4.588		
	- Lệ phí môn bài	250.000	250.000	120.100	120.100	48,04%	48,04%
2	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			12.500	8.500		
5	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	- Đóng góp TN của các tổ chức cá nhân						
8	- Thu khác	12.000	12.000	62.691	46.748	522,42%	389,57%
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	8.594.000	6.729.368	1.468.106	1.255.316	17,08%	18,65%
1	Các khoản thu phân chia	1.873.000	1.873.000	21.468	21.468	1,15%	1,15%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.873.000	1.873.000	21.468	21.468	1,15%	1,15%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà đất						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	6.721.000	4.365.768	1.446.638	945.090	21,52%	21,65%
	Thuế thu nhập cá nhân	2.506.000	150.768	533.562	32.014	21,29%	21,23%
	Thuế VAT	4.158.000	4.158.000	883.956	883.956	21,26%	21,26%
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	57.000	57.000	29.120	29.120	51,09%	51,09%
3	Hưởng do Huyện thu Xã hưởng		490.600		288.758		58,86%
	Thuế GTGT		240.600		179.772		
	Thuế TNDN		150.000		31.115		
	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Thuế thu nhập cá nhân				12.356		
	Lệ phí môn bài				20.300		
	Thu khác ngoài quốc doanh				1.291		
	Lệ phí trước bạ nhà đất		100.000		43.923		
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	769.866		678.166		88,09%
	- Bổ sung cân đối ngân sách				0		
	- Bổ sung có mục tiêu		769.866		678.166		88,09%
	- Bổ sung chênh lệch lương						
IV	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã(nếu có)						
V	Thu chuyển nguồn		1.428.576		3.887.252		272,11%
VI	Thu kết dư ngân sách						
VII	Thu tạo nguồn CCTL		345.155				0,00%



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định 72/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của Ủy ban nhân dân Phường 2)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DU TOAN			ƯỚC THỰC HIỆN			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	9.585.965	0	9.585.965	1.865.817	0	1.865.817	19,46		19,46
1	Chi sự nghiệp kinh tế	374.712		374.712			0	0,00		0,00
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	50.000		50.000			0	0,00		0,00
3	Chi sự nghiệp VH TT	195.472		195.472	34.060		34.060	17,42		17,42
4	Chi sự nghiệp TDTT	13.000		13.000	1.760		1.760	13,54		13,54
5	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	64.848		64.848	84.750		84.750	130,69		130,69
6	Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể, TCXH	6.414.447		6.414.447	1.289.799		1.289.799	20,11		20,11
	- Chi QLNN	3.261.982		3.261.982	626.569		626.569	19,21		19,21
	- Đảng	1.672.782		1.672.782	311.079		311.079	18,60		18,60
	- MTTQ	399.946		399.946	89.226		89.226	22,31		22,31
	- Đoàn Thanh niên	213.751		213.751	49.042		49.042	22,94		22,94
	- Phụ nữ	258.439		258.439	64.493		64.493	24,95		24,95
	- Hội nông dân	200.354		200.354	53.366		53.366	26,64		26,64
	- Hội cựu chiến binh	157.745		157.745	39.163		39.163	24,83		24,83
	- TC-XH khác	249.448		249.448	56.862		56.862	22,80		22,80
7	Chi an ninh - quốc phòng	1.954.920	0	1.954.920	455.448	0	455.448	23,30		23,30
	- An ninh	688.340		688.340	178.242		178.242	25,89		25,89
	- Quốc phòng	1.266.580		1.266.580	277.206		277.206	21,89		21,89
8	Chi khác NS (YT,GD,DS,HMND)	34.345		34.345			0	0,00		0,00
9	Nguồn chưa phân bổ	0		0	-					
10	Chi tạo nguồn CCTL	345.155		345.155	-					
11	Dự phòng	139.066		139.066	-			0,00		0,00